

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 3 - CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/DS-ST  
Ngày 05 - 01 - 2026  
V/v tranh chấp hội

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Dũng Liêm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Việt Thắng

Bà Nguyễn Huỳnh Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thêu là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 281/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc “tranh chấp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 600/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:**

1. Ông Lâm Thành T, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Căn cước công dân số: 096058006498.

2. Bà Trần Thị H (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 31/3/2019 ông T và bà H mở tổ hùng vốn với 22 hội viên, ông T làm tổ trưởng trong đó số lần góp vốn là 22 lần cụ thể:

- Số tiền mỗi lần góp là 3.500.000 đồng, hội viên nào nhận đồng vốn rồi thì mỗi tháng góp 5.000.000 đồng, thời gian góp vốn định kỳ là 04 tháng góp 01 lần,

thành viên góp trễ chịu lãi suất 15%. Đối với tổ hùn vốn trên bà đã góp đến mãn, đến ngày nhận tiền góp vốn thì ông T, bà H không trả cho bà số tiền 5.000.000 đồng mà chỉ trả 500.000 đồng, còn lại 4.500.000 đồng đến nay chưa trả. Nay bà yêu cầu ông T, bà H trả cho bà số tiền 4.500.000 đồng. Hội còn mở thêm 04 kỳ, không có chủ hội và không tính tiền hoa hồng.

*Bị đơn trình bày:*

Ông với bà Đ có mở tổ hùn vốn gồm 22 hội viên, nếu hội viên nào hót thì hội viên còn lại góp 3.500.000 đồng, hội viên hót xong thì góp 5.000.000 đồng các kỳ sau, ông đã hót xong, khi bà Đ hót thì ông còn nợ bà Đ 5.000.000 đồng, đã trả 500.000 đồng, còn lại 4.500.000 đồng, ông đồng ý trả, vì hoàn cảnh khó khăn ông trả một lần không nổi nên ông xin trả dần 02 tháng bằng 500.000 đồng đến khi hết nợ, ông yêu cầu xét xử vắng mặt ông đến khi vụ án kết thúc.

Bà H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Ông T yêu cầu xét xử vắng mặt, bà H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hội thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hội là 4.500.000 đồng với lý do bà tham gia tổ hùn vốn với bị đơn, thỏa thuận mỗi hội viên góp 3.500.000 đồng, hội viên nào đã hót xong thì góp 5.000.000 đồng, bị đơn đã hót hội xong, đến kỳ hót hội của nguyên đơn thì bị đơn không góp đủ và còn nợ 4.500.000 đồng.

Ông T thống nhất số tiền còn nợ nguyên đơn và đồng ý trả, đối với bà H không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đây là sự kiện, tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T có yêu cầu được trả dần 02 tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ, tại phiên tòa nguyên đơn không đồng ý. Xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nêu trên là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đ, ông T được miễn do thuộc trường hợp là người cao tuổi.
- Bà H phải chịu 150.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hộ, biên, phường; Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc ông Lâm Thành T và bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đ, ông T được miễn.

- Bà H phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Hồ Dũng Liêm**









